

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

**Việt Nam xuất siêu sang Hồng Kông đạt gần 15 tỷ USD
trong 8 tháng đầu năm 2026**

Thuộc nhiệm vụ:

**Truyền thông về các chính sách, giải pháp, hoạt động nhằm phát triển
xuất nhập khẩu và công tác hội nhập, tận dụng cam kết quốc tế
trên các bản tin và trang thông tin điện tử của Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại.**

Hà Nội, 2026

Việt Nam xuất siêu sang Hồng Kông đạt gần 15 tỷ USD trong 8 tháng đầu năm

Theo số liệu từ Cục Hải quan Việt Nam, trong 8 tháng đầu năm, Việt Nam tiếp tục duy trì thặng dư thương mại lớn với thị trường Hồng Kông (Trung Quốc), khẳng định vai trò quan trọng thị trường này trong hoạt động thương mại và kết nối chuỗi cung ứng khu vực của Việt Nam. Trong 8 tháng đầu năm 2026, Việt Nam xuất khẩu sang Hồng Kông đạt 15,43 tỷ USD, trong khi kim ngạch nhập khẩu chỉ đạt 471 triệu USD. Nhờ đó, Việt Nam ghi nhận mức thặng dư thương mại lên tới gần 15 tỷ USD, tăng 41,92% so với cùng kỳ năm 2025.

Đà bứt phá thể hiện rõ nét nhất trong tháng 8/2026 khi xuất khẩu đạt tới 2,63 tỷ USD, giúp mức xuất siêu trong tháng đạt 2,57 tỷ USD, tăng 39,26% so với tháng 7 và tăng tới 51,87% so với cùng kỳ năm trước. Sự cách biệt này đưa Hồng Kông thành một trong những thị trường mang lại thặng dư ngoại tệ lớn và ổn định cho nền kinh tế Việt Nam.

Đặt trong bức tranh xuất khẩu chung của cả nước 8 tháng đầu năm, Hồng Kông hiện ở vị trí thứ 5 trong nhóm các thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam. Thị trường này chỉ xếp sau Hoa Kỳ (122,02 tỷ USD), Trung Quốc đại lục (54,20 tỷ USD), Hàn Quốc (22,26 tỷ USD), Nhật Bản (20,46 tỷ USD), đồng thời đã vượt qua các đối tác tiếp theo như Hà Lan, Ấn Độ, Đức và Thái Lan. Nhờ đó, tỷ trọng của Hồng Kông trong tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước đã tăng từ mức 3,65% cùng kỳ năm trước lên 4,12%. Đáng chú ý, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu sang Hồng Kông đạt mức tăng 38,23% trong 8 tháng và tăng tới 50,97% riêng trong tháng 8, cao hơn so với tốc độ tăng bình quân của các đối tác chủ lực như Hoa Kỳ, Trung Quốc, Hàn Quốc hay Nhật Bản.

Cơ cấu mặt hàng xuất khẩu sang Hồng Kông cho thấy sự chi phối từ các nhóm hàng công nghệ, kỹ thuật cao. Tiếp tục giữ vai trò chủ lực là nhóm máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện khi mang về hơn 9,72 tỷ USD sau 8 tháng, đạt mức tăng trưởng 41,23% và chiếm tới 63,01% tổng kim ngạch toàn thị trường. Riêng trong tháng 8, nhóm này tăng tốc nhanh khi đạt 1,83 tỷ USD, tăng 62,7% so với tháng trước. Đứng ở vị trí thứ hai là nhóm máy móc, thiết bị, dụng

cụ và phụ tùng khác với hơn 3,53 tỷ USD, tăng 58,54% so với cùng kỳ và chiếm 22,91% tỷ trọng, trong đó riêng tháng 8 đạt gần 533,8 triệu USD. Nổi bật nhất là nhóm đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận với mức tăng trưởng phi mã 254,45%, đạt 91,56 triệu USD trong 8 tháng.

Ở chiều ngược lại, mặt hàng điện thoại các loại và linh kiện sụt giảm 23,02%, chỉ đạt 714,09 triệu USD và thu hẹp tỷ trọng xuống 4,63%. Tương tự, nhóm máy ảnh, máy quay phim và linh kiện giảm 25,05%, trong khi các ngành hàng truyền thống như dệt may và giày dép cũng ghi nhận mức giảm nhẹ lần lượt 2,32% và 5,48%. Dù vậy, tốc độ tăng trưởng nhanh từ nhóm linh kiện điện tử và máy móc thiết bị vẫn đóng vai trò trụ cột, tạo nền tảng vững chắc cho đà tăng trưởng thương mại giữa Việt Nam và Hồng Kông trong những tháng cuối năm 2026.

NỘI DUNG CHI TIẾT

Tổng quan về quan hệ thương mại Việt Nam – Hồng Kông

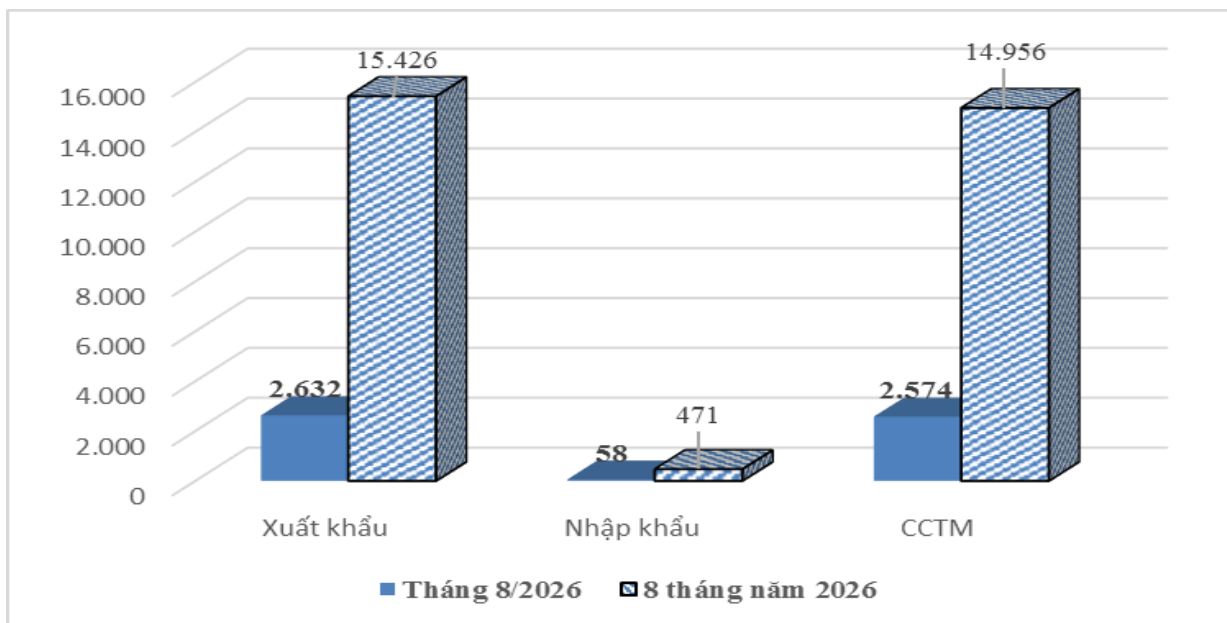
Theo số liệu tính toán từ Cục Hải quan Việt Nam, trong tháng 8/2026, tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Hồng Kông (Trung Quốc) đạt 2,6 tỷ USD. Ở chiều ngược lại, kim ngạch nhập khẩu từ Hồng Kông chỉ đạt 58 triệu USD. Chênh lệch rất lớn giữa xuất khẩu và nhập khẩu đã đưa cán cân thương mại của Việt Nam với Hồng Kông đạt thặng dư lên tới 2,6 tỷ USD, tăng 39,26% so với tháng 7/2026 và tăng tới 51,87% so với cùng kỳ tháng 8/2025.

Tính chung trong 8 tháng đầu năm 2026, xuất khẩu tiếp tục giữ vai trò chủ đạo khi tổng giá trị xuất khẩu sang Hồng Kông đạt tới 15,4 tỷ USD. Trong khi đó, tổng kim ngạch nhập khẩu chỉ đạt 471 triệu USD. Nhờ duy trì xuất siêu liên tục với quy mô lớn, cán cân thương mại trong 8 tháng đầu năm ghi nhận mức xuất siêu lên tới gần 15 tỷ USD, tăng 41,92% so với cùng kỳ năm 2025.

Nhìn chung, cấu trúc thương mại giữa hai bên cho thấy rõ nét tính chất một chiều: Hồng Kông là thị trường xuất khẩu trọng điểm và tiêu thụ mạnh hàng hóa của Việt Nam, trong khi nhu cầu nhập khẩu hàng hóa từ Hồng Kông của Việt Nam ở mức rất thấp, tạo nên mức xuất siêu kỷ lục cho nền kinh tế Việt Nam.

Biểu đồ 1: Tình hình thương mại giữa Việt Nam – Hồng Kông trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2026.

Đơn vị tính: Triệu USD



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

- Đối với xuất khẩu

Theo số liệu của Cục Hải quan Việt Nam, hoạt động xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam tiếp tục duy trì đà tăng trưởng trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2026. Kim ngạch xuất khẩu tháng 8/2026 đạt 54,79 tỷ USD, tăng 3,2% so với tháng 7 và tăng 26,01% so với cùng kỳ năm 2025. Tính chung 8 tháng đầu năm, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam ra các thị trường thế giới đạt 374,84 tỷ USD, tăng 22,44% so với cùng kỳ năm trước, cho thấy quy mô xuất khẩu tiếp tục được mở rộng bất chấp những biến động của thị trường quốc tế.

Trong đó, Hồng Kông duy trì vị trí là một trong những thị trường xuất khẩu quan trọng của Việt Nam và đứng thứ 5 trong nhóm các thị trường xuất khẩu chủ lực. Riêng trong tháng 8/2026, Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này 2,63 tỷ USD, tăng 38,73% so với tháng 7/2026 và tăng 50,97% so với tháng 8/2025. Đây là mức tăng đáng chú ý khi tốc độ tăng xuất khẩu sang Hồng Kông trong tháng cao hơn đáng kể tốc độ tăng chung của xuất khẩu cả nước. Lũy kế 8 tháng đầu năm

2026, kim ngạch xuất khẩu sang Hồng Kông đạt 15,43 tỷ USD, tăng 38,23% so với cùng kỳ năm 2025. Nhờ tốc độ tăng trưởng tốt, tỷ trọng của Hồng Kông trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam đã tăng từ 3,65% trong 8 tháng năm 2025 lên 4,12% trong 8 tháng năm 2026, tương đương tăng 0,47 điểm phần trăm. Diễn biến này cho thấy Hồng Kông đang gia tăng vai trò trong cơ cấu thị trường xuất khẩu của Việt Nam.

Xét tương quan với các thị trường xuất khẩu chủ lực, Hồng Kông hiện đứng sau Hoa Kỳ, Trung Quốc (Đại lục), Hàn Quốc và Nhật Bản. Với 15,43 tỷ USD và thị phần chiếm 4,12% trên tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam, quy mô xuất khẩu sang Hồng Kông vẫn còn khoảng cách tương đối lớn so với các thị trường dẫn đầu, nhưng đã vượt nhóm thị trường đứng sau như Hà Lan, Ấn Độ, Đức và Thái Lan.

Đáng chú ý, nếu xét về tốc độ tăng trưởng, Hồng Kông đang có diễn biến nổi bật hơn nhiều thị trường xuất khẩu chủ lực. Trong 8 tháng, xuất khẩu sang Hồng Kông tăng 38,23%, cao hơn đáng kể mức tăng 23,23% của Hoa Kỳ, 29,36% của Trung Quốc, 16,96% của Hàn Quốc và 17,04% của Nhật Bản. Riêng tháng 8, xuất khẩu sang Hồng Kông tăng 50,97% so với cùng kỳ, trong khi Hoa Kỳ tăng 24,72%, Trung Quốc tăng 22,13%, Hàn Quốc tăng 21,90% và Nhật Bản tăng 20,05%.

Bảng 2: Xuất khẩu hàng hoá của Việt Nam ra thế giới và vị thế của Hồng Kông trong các đối tác xuất khẩu

Thị trường	Tháng 8/2026 (Nghìn USD)	So với tháng 7/2026 (%)	So với tháng 8/2025 (%)	8 tháng năm 2026 (Nghìn USD)	So với 8 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
						8 tháng năm 2026	8 tháng năm 2025
Tổng	54.794.764	3,2	26,01	374.836.706	22,44	100	100
Hoa Kỳ	17.351.789	-5,67	24,72	122.024.266	23,23	32,55	32,34
Trung Quốc	8.586.208	12,02	22,13	54.203.478	29,36	14,46	13,69
Hàn Quốc	3.199.814	0,02	21,9	22.258.568	16,96	5,94	6,22
Nhật Bản	2.829.081	-1,04	20,05	20.455.457	17,04	5,46	5,71
Hồng Kông (TQ)	2.632.196	38,73	50,97	15.426.373	38,23	4,12	3,65

Thị trường	Tháng 8/2026 (Nghìn USD)	So với tháng 7/2026 (%)	So với tháng 8/2025 (%)	8 tháng năm 2026 (Nghìn USD)	So với 8 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
						8 tháng năm 2026	8 tháng năm 2025
Hà Lan	1.493.443	-5,49	24,55	10.910.489	26,15	2,91	2,83
Ấn Độ	1.072.576	4,72	13,45	8.051.546	16,86	2,15	2,25
Đức	1.155.061	-1,02	63,83	8.017.714	29,26	2,14	2,03
Thái Lan	917.971	3,24	24,22	7.435.695	32,8	1,98	1,83

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Trong cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu sang Hồng Kông, đóng vai trò là động lực quan trọng và mặt hàng xuất khẩu chủ lực là nhóm mặt hàng "Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện". Chỉ tính riêng tháng 8, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này đạt 1,83 tỷ USD (tăng 62,7% so với tháng trước và tăng 57,99% so với cùng kỳ), qua đó nâng tổng kim ngạch 8 tháng lên hơn 9,72 tỷ USD, đạt mức tăng trưởng 41,23% và chiếm tỷ trọng 63,01% toàn thị trường.

Đứng ở vị trí thứ hai trong 8 tháng là nhóm "Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác" với kim ngạch đạt hơn 3,53 tỷ USD, tăng trưởng mạnh 58,54% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 22,91% tỷ trọng. Riêng trong tháng 8, mặt hàng này cũng thu về gần 533,8 triệu USD, tăng 20,74% so với tháng 7 và tăng 63,34% so với tháng 8/2025.

Trái ngược với đà tăng trưởng của hai nhóm dẫn đầu, mặt hàng xuất khẩu lớn thứ ba là "Điện thoại các loại và linh kiện" lại ghi nhận sự suy giảm đáng kể khi chỉ đạt 714,09 triệu USD trong 8 tháng đầu năm, giảm 23,02% so với cùng kỳ 2025 và thu hẹp tỷ trọng từ 8,31% xuống còn 4,63%, đồng thời tháng 8 cũng ghi nhận mức sụt giảm 10,85% so với tháng 7 và giảm 16,41% so với cùng kỳ.

Ngoài ra, bức tranh xuất khẩu còn chứng kiến những biến động rất đáng chú ý ở các nhóm hàng còn lại, nổi bật là sự tăng trưởng của nhóm "Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận" với mức tăng phi mã lên đến 254,45% trong 8 tháng (đạt 91,56 triệu USD). Ở chiều ngược lại, ngoài điện thoại thì nhóm "Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện" cũng chứng kiến sự suy giảm sâu trong 8 tháng khi sụt giảm 25,05% so với cùng kỳ, trong khi các mặt hàng tiêu dùng truyền thống như

hàng dệt may và giày dép nhìn chung đều có chiều hướng sụt giảm nhẹ (lần lượt giảm 2,32% và 5,48%).

Bảng 3: Xuất khẩu hàng hoá của Việt Nam sang Hồng Kông trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2026.

Tên hàng	Tháng 8/2026 (Nghìn USD)	So với tháng 7/2026 (%)	So với tháng 8/2025 (%)	8 tháng năm 2026 (Nghìn USD)	So với 8 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
						8 tháng năm 2026	8 tháng năm 2025
Tổng	2.632.196	38,73	50,97	15.426.373	38,23	100	100
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	1.827.957	62,7	57,99	9.720.829	41,23	63,01	61,68
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	533.783	20,74	63,34	3.533.807	58,54	22,91	19,97
Điện thoại các loại và linh kiện	108.325	-10,85	-16,41	714.087	-23,02	4,63	8,31
Hàng dệt, may	23.371	2,2	4,1	183.576	-2,32	1,19	1,68
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	14.576	-19,26	57,93	125.946	-25,05	0,82	1,51
Hàng thủy sản	14.830	18,54	21,39	104.106	4,05	0,67	0,90
Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận	6.711	-44,88	78,55	91.557	254,45	0,59	0,23
Giày dép các loại	8.588	-19,55	4,06	71.247	-5,48	0,46	0,68
Dây điện và dây cáp điện	7.249	-0,41	-6,99	59.196	-13,87	0,38	0,62
Hàng rau quả	7.964	9,58	7,54	59.147	3,66	0,38	0,51
Sản phẩm từ chất dẻo	8.098	-4,88	166,5	57.959	85,64	0,38	0,28
Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù	5.500	9,87	18,95	46.843	23,59	0,30	0,34
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	5.135	93,41	-24,54	35.612	-22,85	0,23	0,41
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	5.141	37,63	9,9	32.586	13,51	0,21	0,26
Gạo	2.476	-1,3	-17,1	21.781	-15,4	0,14	0,23
Xơ, sợi dệt các loại	2.546	164,86	51,03	16.109	29,79	0,10	0,11
Sản phẩm từ sắt thép	1.344	-45,87	17,1	11.724	8,71	0,08	0,10
Xăng dầu các loại	2.100	680,81	191,46	10.838	524,26	0,07	0,02
Sản phẩm hóa chất	1.271	-8,23	121,27	9.524	74,69	0,06	0,05
Hạt điều	864	9,41	-20,17	8.984	-2,12	0,06	0,08
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	1.113	38,44	18,67	7.955	14,07	0,05	0,06
Giấy và các sản phẩm từ giấy	483	-28,57	-34,99	5.438	10,04	0,04	0,04
Chất dẻo nguyên liệu	437	-47,02	-39,83	3.206	-44,21	0,02	0,05
Sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ	186	8,94	-34,38	1.837	-25,64	0,01	0,02

Tên hàng	Tháng 8/2026 (Nghìn USD)	So với tháng 7/2026 (%)	So với tháng 8/2025 (%)	8 tháng năm 2026 (Nghìn USD)	So với 8 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
						8 tháng năm 2026	8 tháng năm 2025
Sản phẩm từ cao su	141	32,49	28,01	1.227	16,29	0,01	0,01
Gỗ và sản phẩm gỗ	56	-86,78	-72,85	1.130	-17,02	0,01	0,01
Sắt thép các loại	153	-39,54		798	-83,62	0,01	0,04
Hàng hóa khác	41.694	-52,32	54,32	487.986	151,92	3,16	1,74

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Theo số liệu từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), trong tháng 7/2026, Hồng Kông đã nhập khẩu từ thế giới 103,6 tỷ USD, giảm 5,9% so với tháng trước nhưng tăng 47,6% so với cùng tháng năm trước. Lũy kế 7 tháng đầu năm, nước này đã nhập khẩu 676,1 tỷ USD, tăng 48% so với cùng kỳ năm trước.

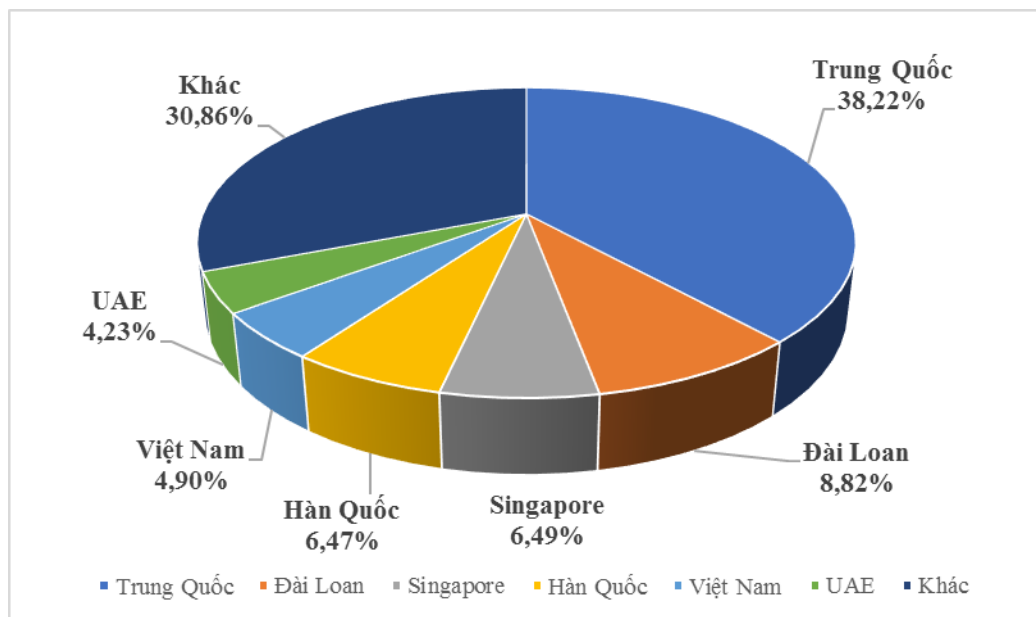
Trong đó, Hồng Kông nhập khẩu nhiều nhất từ Trung Quốc với trị giá nhập khẩu trong tháng 7 đạt 39,6 tỷ USD, giảm 8,2% so với tháng trước nhưng tăng 38,7% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 8 tháng đầu năm, Hồng Kông đã nhập khẩu từ Trung Quốc 266,8 tỷ USD, tăng 43,3% so với cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 38,22% trong tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Hồng Kông.

Việt Nam là thị trường cung ứng hàng hóa lớn thứ 5 cho thị trường Hồng Kông với kim ngạch nhập khẩu trong tháng 7/2026 đạt 5,1 tỷ USD, giảm 23,8% so với tháng trước nhưng tăng 4,9% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 7 tháng đầu năm 2026, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Hồng Kông từ Việt Nam đạt 36,8 tỷ USD, tăng 71,55% so với cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 4,9% trong tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của nước này. Ngoài Trung Quốc, tại thị trường Hồng Kông, hàng hóa của Việt Nam còn phải cạnh tranh với Đài Loan (chiếm tỷ trọng 8,82%), , Singapore (chiếm tỷ trọng 6,49%), Hàn Quốc (chiếm tỷ trọng 6,47%)....

Dù đứng thứ 5 trong số các thị trường cung ứng hàng hóa cho Hồng Kông, Việt Nam đang cho thấy tốc độ mở rộng thị phần khá tích cực. Tuy nhiên, xét về quy mô, Việt Nam vẫn còn khoảng cách khá lớn so với các thị trường top đầu. Thị phần 4,9% của Việt Nam hiện chỉ bằng hơn một nửa thị phần của Đài Loan (8,82%) và thấp hơn mức 6,49% của Singapore và 6,47% của Hàn Quốc.

Biểu đồ 2: Các nguồn cung hàng hoá lớn cho thị trường Hồng Kông trong 7 tháng đầu năm 2026

(Tỷ trọng % tính theo kim ngạch)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC)

- Đối với nhập khẩu

Theo số liệu thống kê của Cục Hải quan Việt Nam, trong tháng 8/2026, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam đạt 54,91 tỷ USD, tuy giảm nhẹ 3,11% so với tháng trước nhưng tăng trưởng 37,9% so với cùng kỳ năm 2025. Tính chung 8 tháng đầu năm 2026, tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước từ các thị trường đạt 395,29 tỷ USD, tăng ấn tượng 35,32% so với 8 tháng năm 2025.

Riêng với thị trường Hồng Kông, nhập khẩu hàng hóa vào Việt Nam trong tháng 8/2026 ghi nhận tín hiệu tích cực khi đạt hơn 58,13 triệu USD, tăng 18,88% so với tháng 7/2026 và tăng 19,5% so với tháng 8/2025. Tuy nhiên, xét lũy kế 8 tháng đầu năm 2026, tổng trị giá nhập khẩu từ Hồng Kông chỉ đạt 470,86 triệu USD, giảm 24,29% so với cùng kỳ năm trước; qua đó kéo tỷ trọng của thị trường này giảm từ 0,21% xuống còn 0,12%.

So sánh với các đối tác cung ứng hàng hóa lớn nhất trong 8 tháng đầu năm 2026, quy mô nhập khẩu từ Hồng Kông thể hiện sự chênh lệch khá lớn từ các thị

trường dẫn đầu. Cụ thể, Trung Quốc giữ ở vị trí dẫn đầu với kim ngạch đạt 161,94 tỷ USD (tăng 37,31%, chiếm tới 40,97% tổng thị phần nhập khẩu), trong khi Hàn Quốc giữ vị trí top 2 với hơn 60,12 tỷ USD (tăng trưởng 54,07%, chiếm 15,21% thị phần).

Hiện Hồng Kông đứng ở vị trí thứ 37 trong số các đối tác nhập khẩu vào Việt Nam. Kim ngạch nhập khẩu hàng hoá trong 8 tháng năm 2026 từ Hồng Kông đạt 470,85 triệu USD, chỉ bằng khoảng 0,29% quy mô của Trung Quốc (Đại lục) và bằng 0,78% so với Hàn Quốc.

Bảng 4: Nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam từ thế giới và vị thế của Hồng Kông trong các đối tác nhập khẩu trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2026

Thị trường	Tháng 8/2026 (Nghìn USD)	So với tháng 7/2026 (%)	So với tháng 8/2025 (%)	8 tháng năm 2026 (Nghìn USD)	So với 8 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
						8 tháng năm 2026	8 tháng năm 2025
Tổng	54.907.979	-3,11	37,9	395.298.266	35,32	100	100
Trung Quốc	23.234.398	-0,72	41,3	161.940.502	37,31	40,97	40,37
Hàn Quốc	8.686.363	-3,94	63,59	60.122.692	54,07	15,21	13,36
Đài Loan (TQ)	5.556.679	4,94	80,1	33.505.962	58,78	8,48	7,22
Nhật Bản	2.017.818	-18,85	-9,77	18.135.427	13,28	4,59	5,48
Hoa Kỳ	2.069.906	0,41	29,69	15.391.088	26,77	3,89	4,16
Thái Lan	1.562.494	-12,53	39,31	11.089.434	29,13	2,81	2,94
Malaixia	1.364.628	-4,74	33,39	10.264.133	42,29	2,60	2,47
Indônêxia	1.135.598	-11,06	29,26	8.871.050	18,57	2,24	2,56
Singapo	633.453	-4,02	52,55	6.138.940	53,51	1,55	1,37
Ôxtrâylia	725.100	-19,92	46,64	5.952.818	26,81	1,51	1,61
Ấn Độ	569.090	-14,48	8,99	5.377.421	39,46	1,36	1,32
Campuchia	348.477	24,83	-22,11	4.379.477	3,45	1,11	1,45
Braxin	451.787	4,75	11,48	3.759.851	12,87	0,95	1,14
Đức	436.004	1,73	23,79	3.168.025	21,33	0,80	0,89
Achentina	339.269	-11,9	-4,78	2.772.516	17,91	0,70	0,80
Nga	235.313	-33,04	22,32	2.143.717	26,61	0,54	0,58
Ailen	259.830	44,78	-9,55	2.096.282	-9,08	0,53	0,79
Pháp	242.292	5,22	-1,63	1.929.730	34,93	0,49	0,49

Thị trường	Tháng 8/2026 (Nghìn USD)	So với tháng 7/2026 (%)	So với tháng 8/2025 (%)	8 tháng năm 2026 (Nghìn USD)	So với 8 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
						8 tháng năm 2026	8 tháng năm 2025
Israen	270.516	6,47	-18,34	1.918.733	-1,22	0,49	0,66
Philippin	194.749	-17,94	5,7	1.713.372	6,11	0,43	0,55
Italia	208.178	-1,39	31,38	1.618.711	23,19	0,41	0,45
Côoét	169.354		-70,87	1.535.460	-65,12	0,39	1,51
Các TVQ Ả rập Thống nhất	245.892	8,86	331,41	1.509.899	300,87	0,38	0,13
CH Công Gô	73.548	-73,71	28,08	1.178.968	180,46	0,30	0,14
Lào	114.255	-7,9	-7,29	1.168.170	-14,94	0,30	0,47
Canada	135.730	11,74	39,33	1.012.434	48,97	0,26	0,23
Mê Hi Cô	112.803	-32,96	9,98	981.155	36,35	0,25	0,25
Bờ Biển Ngà	131.871	-28,46	-31,62	833.233	16,62	0,21	0,24
Arập Xêút	73.076	-1,64	-33,78	701.101	-13,59	0,18	0,28
Anh	86.944	-3,97	4,79	686.428	8,82	0,17	0,22
Nigeria	47.304	-51,32	-57,34	639.655	-15,71	0,16	0,26
Tây Ban Nha	80.247	-8,79	18,78	637.959	14,79	0,16	0,19
Nam Phi	71.084	-42,13	100,4	607.883	59,15	0,15	0,13
Niuzilân	60.737	-26,43	16,73	588.040	11,66	0,15	0,18
Thụy Sĩ	76.605	-0,93	1,93	583.615	11,14	0,15	0,18
Hà Lan	69.660	-16,71	17,81	581.323	11,16	0,15	0,18
Hồng Kông (TQ)	58.135	18,88	19,5	470.855	-24,29	0,12	0,21
Bỉ	45.752	-11,12	-21,14	398.822	-22,35	0,10	0,18
Nauy	44.403	-14,45	-9,83	382.117	-7,17	0,10	0,14
Brunây	55.905	422,49	21,94	344.823	18,55	0,09	0,10
Áo	44.908	-8,9	19,36	341.338	7,58	0,09	0,11

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Theo số liệu thống kê của Cục Hải quan Việt Nam, tính chung 8 tháng đầu năm 2026, “Đá quý, kim loại quý và sản phẩm” là chủng loại nhập khẩu lớn nhất từ Hồng Kông với kim ngạch đạt 172,75 triệu USD, tăng trưởng 88,39% so với cùng kỳ năm 2025 và chiếm tỷ trọng áp đảo tới 36,69% tổng kim ngạch nhập khẩu (tăng so với mức 14,74% của 8 tháng năm 2025). Riêng trong tháng 8/2026, kim

ngạch của nhóm hàng này lại chững lại khi đạt 11,35 triệu USD, giảm 15,39% so với tháng 7/2026 và giảm 9,52% so với tháng 8/2025.

Đứng thứ hai là mặt hàng “Phế liệu sắt thép” với kim ngạch đạt 99,34 triệu USD, tăng 14,65% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 21,10% tỷ trọng (tăng từ mức 13,93% của 8 tháng năm 2025).

Đứng ở vị trí thứ ba là “Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện” với trị giá đạt 61,35 triệu USD, chiếm 13,03% tỷ trọng tổng kim ngạch nhập khẩu từ thị trường này.

Đáng chú ý, giảm mạnh nhất trong top 10 mặt hàng nhập khẩu chủ lực của Việt Nam từ thị trường Hồng Kông thuộc về nhóm “Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác” khi giảm tới 96,52% so với 8 tháng năm 2025.

Bảng 5: Nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam từ Hồng Kông trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2026

Tên hàng	Tháng 8/2026 (Nghìn USD)	So với tháng 7/2026 (%)	So với tháng 8/2025 (%)	8 tháng năm 2026 (Nghìn USD)	So với 8 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
						8 tháng năm 2026	8 tháng năm 2025
Tổng	58.135	18,88	19,5	470.855	-24,29	100	100
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	11.349	-15,39	-9,52	172.753	88,39	36,69	14,74
Phế liệu sắt thép	14.405	74,9	73,66	99.339	14,65	21,10	13,93
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	16.909	68,74	218,08	61.354	-58,59	13,03	23,82
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	3.449	34,29	-16,66	28.944	-24,52	6,15	6,17
Chất dẻo nguyên liệu	1.338	-45,15	-0,37	12.431	15,51	2,64	1,73
Vải các loại	479	-33,32	-45,88	8.550	-37,24	1,82	2,19
Sản phẩm từ giấy	807	-15,42	-28,56	7.840	-10,21	1,66	1,40
Sản phẩm từ chất dẻo	856	-1,62	-9,51	7.598	-37,56	1,61	1,96
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	591	0,09	-85,27	5.398	-96,52	1,15	24,92
Sản phẩm hóa chất	671	-30,27	62,92	4.717	38,97	1,00	0,55
Điện thoại các loại và linh kiện				4.656	1099,1	0,99	0,06
Hóa chất	28	-89,78	-45,94	2.513	119,24	0,53	0,18
Sản phẩm khác từ dầu mỏ	138	206,28	-54,19	2.092	-12,95	0,44	0,39

Tên hàng	Tháng 8/2026 (Nghìn USD)	So với tháng 7/2026 (%)	So với tháng 8/2025 (%)	8 tháng năm 2026 (Nghìn USD)	So với 8 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
						8 tháng năm 2026	8 tháng năm 2025
Kim loại thường khác	163	-26,83	-59,93	1.713	-60,44	0,36	0,70
Sản phẩm từ cao su	98	-2,89	-15,75	754	-20,91	0,16	0,15
Xơ, sợi dệt các loại	28	22,33	-27,75	344	-37,3	0,07	0,09
Sản phẩm từ sắt thép	41	59,18	-68,01	330	-57,71	0,07	0,13
Hàng hóa khác	6.784	-7,61	-19,25	49.392	18,79	10,49	6,69

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Đánh giá triển vọng

Trong thời gian tới, quan hệ thương mại Việt Nam - Hồng Kông được kỳ vọng tiếp tục mở rộng trên nền tảng trao đổi thương mại ngày càng tăng. Với định hướng của Hồng Kông tăng cường hợp tác với các quốc gia Đông Nam Á, trong đó Việt Nam được đánh giá có nhiều tiềm năng, dư địa để mở rộng hợp tác thương mại giữa hai bên vẫn còn đáng kể. Để khai thác hiệu quả cơ hội này, Việt Nam cần tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu, cập nhật thông tin về nhu cầu thị trường, xu hướng tiêu dùng và từng phân khúc sản phẩm tại Hồng Kông, qua đó hỗ trợ doanh nghiệp lựa chọn mặt hàng, phương thức tiếp cận và kênh phân phối phù hợp.

Bên cạnh các nhóm hàng đã có chỗ đứng như điện máy, thiết bị gia dụng, linh kiện, dệt may, giày dép, nông sản và thực phẩm, doanh nghiệp Việt Nam có thể tiếp tục khai thác dư địa đối với các sản phẩm có chất lượng cao, an toàn, có giá trị gia tăng và phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng Hồng Kông. Đặc biệt, trong bối cảnh Hồng Kông phải nhập khẩu phần lớn lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng, các mặt hàng nông sản, thủy sản, thực phẩm chế biến, cà phê, hạt điều, hồ tiêu, gạo, bún, phở khô... của Việt Nam còn nhiều tiềm năng để mở rộng hiện diện, song cần đáp ứng tốt các yêu cầu cao về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và mẫu mã.

Cùng với đó, Việt Nam cần tận dụng tốt vai trò của Hồng Kông như một trung tâm thương mại, logistics và đầu mối kết nối với Trung Quốc và các thị trường quốc tế, qua đó không chỉ mở rộng xuất khẩu trực tiếp mà còn từng bước

khai thác Hồng Kông như một cửa ngõ để đưa hàng hóa Việt Nam tiếp cận các thị trường thứ ba.

Việc củng cố thương hiệu, nâng cao chất lượng sản phẩm và xây dựng mạng lưới đối tác, nhà phân phối tại Hồng Kông vì vậy sẽ có ý nghĩa quan trọng, bởi việc đáp ứng được các tiêu chuẩn khắt khe của thị trường này cũng góp phần nâng cao uy tín và khả năng cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam khi thâm nhập các thị trường có yêu cầu cao khác.

Triển vọng phát triển thương mại Việt Nam - Hồng Kông trong thời gian tới được đánh giá còn nhiều dư địa, trong bối cảnh quan hệ kinh tế giữa hai bên ngày càng được mở rộng cả về quy mô, mặt hàng và mức độ kết nối doanh nghiệp. Đà tăng trưởng mạnh của kim ngạch thương mại trong những năm gần đây cho thấy hàng hóa Việt Nam đang ngày càng hiện diện rõ nét hơn tại thị trường Hồng Kông, trong khi Hồng Kông với đặc điểm là nền kinh tế có độ mở cao, phụ thuộc lớn vào nhập khẩu và giữ vai trò trung tâm thương mại, logistics, tài chính của khu vực tiếp tục tạo ra nhiều cơ hội cho doanh nghiệp Việt Nam. Đặc biệt, nhu cầu đối với các sản phẩm chất lượng cao, an toàn, có nguồn gốc rõ ràng và đáp ứng xu hướng tiêu dùng mới đang mở ra không gian thuận lợi cho các nhóm hàng thế mạnh của Việt Nam như nông sản, thủy sản, thực phẩm chế biến, cà phê, hạt điều, hồ tiêu, gạo, dệt may, giày dép, điện tử và hàng tiêu dùng. Không chỉ là thị trường có sức mua lớn, Hồng Kông còn có ý nghĩa như một đầu mối trung chuyển quan trọng. Đây là lợi thế đặc biệt cần được doanh nghiệp Việt Nam khai thác trong bối cảnh yêu cầu đa dạng hóa thị trường xuất khẩu và mở rộng mạng lưới phân phối xuyên biên giới ngày càng được chú trọng.

Tuy nhiên, triển vọng tích cực cũng đi kèm với yêu cầu ngày càng cao đối với năng lực cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam. Hồng Kông là thị trường có tiêu chuẩn cao về chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, bao bì và mẫu mã, đồng thời là nơi hiện diện của nhiều nhà cung ứng lớn trong khu vực như Trung Quốc, Đài Loan, Singapore và Hàn Quốc. Do đó, việc gia tăng kim ngạch xuất khẩu sẽ khó có thể chỉ dựa vào lợi thế về giá hoặc nguồn cung, mà cần chuyển mạnh sang nâng cao chất lượng, xây dựng thương hiệu và tạo sự khác biệt cho sản

phẩm. Trong đó, nhóm nông sản và thực phẩm có nhiều tiềm năng nhưng cũng đòi hỏi doanh nghiệp phải đầu tư bài bản hơn vào vùng nguyên liệu, chế biến, bảo quản, tiêu chuẩn chất lượng và hệ thống phân phối. Nếu tận dụng tốt các kênh xúc tiến thương mại, hội chợ chuyên ngành và mạng lưới đối tác tại Hồng Kông, đồng thời chủ động nghiên cứu thị hiếu để phát triển sản phẩm phù hợp, doanh nghiệp Việt Nam có thể từng bước mở rộng thị phần thay vì chỉ gia tăng doanh số trong ngắn hạn.

Về dài hạn, việc củng cố quan hệ thương mại Việt Nam - Hồng Kông không chỉ mang ý nghĩa gia tăng xuất khẩu song phương mà còn có thể tạo thêm một mắt xích quan trọng trong chiến lược kết nối hàng hóa Việt Nam với các trung tâm thương mại lớn của châu Á. Với định hướng tăng cường hợp tác của Hồng Kông với các nền kinh tế Đông Nam Á, cùng vị trí ngày càng quan trọng của Việt Nam trong chuỗi cung ứng khu vực, hai bên còn nhiều không gian để mở rộng hợp tác trong thương mại hàng hóa, logistics, phân phối và kết nối doanh nghiệp.